TÒA ÁN ND HUYỆN NG SƠN
TỈNH THA HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41** /2025/HNGĐ - ST
Ngày 19 /6/2025
V/v "Ly hôn, trA chấp về nuôi con"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG SƠN -TỈNH THA HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Trịnh Thị Yến

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Ng Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2025, về việc"*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th - Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn C, xã Ng A, huyện Ng Sơn, tỉnhThA Hóa.

*Bị đơn: A Phan Văn T - Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn C, xã Ng A, huyện Ng Sơn, tỉnh ThA Hóa.

Tại phiên tòa có mặt A T, vắng mặt chị Th, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, chị Phạm Thị Th trình bày:

**Về hôn nhân:* Chị Th và A Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng Th, huyện Ng Sơn, tỉnh ThA Hóa, ngày 25/9/2000. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, đến năm 2017 và năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, do A T không lo làm ăn mà suốt ngày đi tụ tập uống rượu, khi về nhà hành hung đe dọa vợ con, không chịu nõi hoàn

cảnh như vậy, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không con quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không con nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Tuyên theo quy định của pháp luật.

* *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung, cháu Phan Văn M, sinh ngày 27/5/2001; cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 20/12/2012; Hiện tại cháu M đã trưởng thành chị Th không yêu cầu giải quyết. Ly hôn, chị Th đề nghị Tòa án giao cháu Phan Tuấn A cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị không yêu cầu A T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

* *Về tài sản và nợ chung:* Vợ chồng có một số tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, nên chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Tại phiên tòa bị đơn A Phan Văn T trình bày:

**Về hôn nhân:* Về điều kiện kết hôn như chị Th trình bày trên là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên trong cuộc sống cũng có những lúc xây ra mâu thuẫn, cụ thể có một lần vợ chồng xảy ra xích mích A T có tát chị Th một cái, sau đó tình cảm vợ chồng đã trở lại bình thương, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn A, quan điểm của A T không nhất trí ly hôn.

* *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung, cháu Phan Văn M, sinh ngày 27/5/2001; cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 20/12/2012; Hiện tại cháu M đã trưởng thành A T không yêu cầu giải quyết. Ly hôn, A Tuyên nhất trí giao cháu Phan Tuấn A cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, A T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* *Về tài sản và nợ chung:* Chị Phạm Thị Th xác định vợ chồng có một số tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, nên A Cường không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th, cho chị Th được ly hôn A Phan Văn T; về con chung: giao cháu Phan Tuấn A cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, A T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

. Về án phí: chị Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu "Ly hôn, trA chấp nuôi con" giữa chị Phạm Thị Th và A Phan Văn T là trA chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 5, xã Ng An, huyện Ng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như tống đạt văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho A T, nhưng tại các buổi hòa giải A T vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn A T và đề nghị HĐXX tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 04/6/2025 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án A T vắng mặt, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và xét xử lần thứ hai vào ngày 10/6/2025 Tại phiên tòa A T có mặt và thể hiện quan điểm là không nhất trí ly hôn, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

**Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Th và A Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng Thái, huyện Ng Sơn, tỉnh ThA Hóa, ngày 25/9/2000. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, đến năm 2017 và năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, do A T không lo làm ăn mà suốt ngày đi tụ tập uống rượu, khi về nhà hành hung đe dọa vợ con, không chịu nỗi hoàn cảnh như vậy, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên chị Th nên xem xét lại tình cảm của mình và bỏ qua những mâu thuẫn trong cuộc sống để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị Th cho rằng chị đã cố gắng tìm cách tháo gỡ những mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng không có kết quả, đến nay chị Th xác định không còn tình cảm với A T nữa, nên chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Th và A T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn với A T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**Về con chung*: Chị Th và A T xác định vợ chồng có 02 con chung, cháu Phan Văn M, sinh ngày 27/5/2001 và cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 20/12/2012; Hiện tại cháu M đã trưởng thành chị Th và T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị Th đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phan Tuấn A, chị không yêu cầu A T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Quan điểm của A Tuyên cũng nhất trí.

Xét thấy: Đề nghị của chị Th về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn chính đáng, trên cơ sở nguyện vọng của cháu Phan Tuấn A mong muốn được ở với mẹ. Do đó HĐXX chấp nhận để nghị của chị Th. Giao cháu Phan Tuấn A cho chị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, A T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản và nợ chung:* Chị Th và A T xác định vợ chồng có một số tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[4].Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Th về việc "Xin ly hôn, trA chấp về nuôi con" đối với A Phan Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Th được ly hôn A Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 20/12/2012 cho chị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, A T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

A T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

***Về án phí:** Chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số

0006533 ngày 17/4/2025 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn. chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

***Về quyền kháng cáo:** A T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nag Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Ng Th, huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.